

Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, tiền tệ vừa là một vật trung gian để trao đổi, lưu thông hàng hóa, nhưng đồng thời nó cũng là một loại hàng hóa - hàng hóa đặc biệt. Tính chất đặc biệt của hàng hóa tiền tệ thể hiện qua một số điểm chủ yếu sau đây:

- Kể từ khi chấm dứt thời đại tiền vàng, tiền giấy ra đời với sự quy định của luật pháp, nhà nước là người độc quyền "sản xuất" ra tiền tệ. Không ai được phép "sản xuất" ra tiền ngoài ngân hàng nhà nước, cơ quan được nhà nước ủy quyền cho nó làm chức năng phát hành tiền. Như vậy nó khác với mọi hàng hóa khác ở chỗ hàng hóa chắc do các doanh nghiệp, các cá nhân sản xuất ra mà không có sự độc quyền sản xuất.

- Chính vì sự độc quyền "sản xuất" này mà các nhà nước có thể in ra nhiều hay ít tiền tùy ý và điều đó sẽ ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Vì vậy mà việc pháp hóa và dựa trên một số nguyên tắc cụ thể nhằm làm cho khối tiền phát ra vừa đảm bảo yêu cầu lưu thông hàng hóa, vừa đảm bảo yêu cầu phát triển nền kinh tế, tạo ra công ăn việc làm cho xã hội.

Đặc điểm này đã dẫn đến nhiều vấn đề quan trọng trong các chính sách tiền tệ của các quốc gia. Điều hành khối tiền trong lưu thông thế nào để nó không bị lạm phát - mất giá, đồng thời nó cũng không được cản trở các quá trình của tiêu dùng, sản xuất và tái sản xuất mở rộng.

- Hàng hóa tiền tệ "bị cưỡng chế" tiêu dùng cũng là một đặc điểm quan trọng của loại hàng hóa này. Mỗi quốc gia đều có một đồng tiền riêng và mọi công dân đều phải công nhận các chức năng của tiền tệ, không được từ chối việc sử dụng nó. Điều này cho phép tiền tệ trở thành một loại hàng hóa có uy lực lớn hơn tất cả các loại hàng hóa khác. Có tiền là có thể mua được mọi thứ hàng hóa khác, kể cả vàng là cái mà theo Marx là tiền tệ thực (còn tiền giấy chỉ là dấu hiệu của vàng mà thôi). Sùng bái tiền tệ trở thành một hiện tượng tự nhiên của cơ chế thị trường và do vậy tiền tệ trở thành một công cụ có ý nghĩa lớn lao nhất trong việc dùng nó để điều khiển các hoạt động của nền kinh tế.

Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt cho nên nó cũng có một thị trường riêng cho nó, một thị trường đặc biệt mà loại hàng hóa mua bán ở đây chính là tiền. Một thị trường trao đổi không có vật trung gian và việc mua bán tiền không làm thay đổi quyền sở hữu của hàng hóa tiền tệ mà nó chỉ là một sự chuyển giao quyền sử dụng trong một khoảng thời gian cụ thể. Người có tiền chưa cần dùng nó, bán quyền sử dụng nó cho



ĐỂ ĐIỀU HÒA LƯU THÔNG TIỀN TỆ

PTS. NGÔ HƯỚNG

người thiếu tiền với một giá cả do hai bên thỏa thuận với nhau tại thị trường.

Dựa vào đặc điểm trên, các nhà nước theo cơ chế thị trường đã lập ra một thị trường tiền tệ ngắn hạn có tổ chức để điều hòa khối tiền tệ trong lưu thông làm sao để nó có thể đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, lưu thông hàng hóa, đồng thời không làm cho khối lượng tiền trong lưu thông vượt yêu cầu cần thiết, gây ra tình trạng tiền tệ tràn ngập thị trường và dẫn đến lạm phát.

Công nghệ của thị trường bắt đầu với các bước như sau:

Các doanh nghiệp mua bán chịu với nhau và nhờ đó cung cấp một lượng kỳ phiếu thương mại. Đó là một giấy nợ mà người mua hàng hứa phải trả cho người bán hàng một số tiền vào một thời điểm nhất định. Với kỳ phiếu thương mại này, người có kỳ phiếu khi cần tiền có thể đến ngân hàng thương mại xin vay tiền dưới hình thức chiết khấu các kỳ phiếu. Và khi các ngân hàng thương mại cần tiền thì đến thị trường liên ngân hàng để tái chiết khấu với một ngân hàng thương mại khác hoặc với ngân hàng nhà nước.

Hoặc trong quá trình thực hiện ngân sách, kho bạc chưa thu kịp để phục vụ chi tiêu, ngân sách mà đại diện là kho bạc phát hành một lượng trái phiếu ngắn hạn để bán cho các ngân

hàng thương mại thông qua ngân hàng nhà nước hoặc bán trực tiếp tại thị trường tiền tệ liên ngân hàng.

Trái phiếu này sẽ trở thành một công cụ mà ngân hàng thương mại có thể vay vốn tại thị trường tiền tệ liên ngân hàng ở ngân hàng thương mại khác hoặc ở ngân hàng nhà nước.

Công chúng hoặc các doanh nghiệp cũng mua trái phiếu kho bạc, hoặc trái phiếu doanh nghiệp và khi cần tiền họ cũng vay tiền ở ngân hàng thương mại dưới hình thức chiết khấu. Ngân hàng thương mại cũng có thể dùng trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu kho bạc này để vay tiền tại thị trường tiền tệ. Đặc điểm ở đây là ngân hàng nhà nước với tư cách là người tổ chức thị trường và là người vay hoặc cho vay cuối cùng, nên ngân hàng nhà nước luôn luôn có thể làm cho cung và cầu tiền tệ thăng bằng nhau với một lãi suất do thị trường quyết định.

Khi khối lượng cung tiền tệ tại thị trường lớn hơn số lượng cầu tiền tệ, ngân hàng nhà nước là người vay cuối cùng dưới hình thức bán thêm một lượng trái phiếu để cân bằng cung cầu. Điều này giúp các ngân hàng thương mại thừa vốn có thể vượt qua khó khăn khi chưa tìm được đầu ra và hơn nữa nó còn giúp rút bớt tiền trong lưu thông để không gây ra một sức ép thừa tiền.

Khi khối lượng cầu tiền tệ lớn hơn cung tiền tệ (người vay nhiều hơn người bán) thì ngân hàng nhà nước sẽ là người cho vay thêm phần chênh lệch để cân bằng cung cầu, thỏa mãn nhu cầu của thị trường về tín dụng bằng cách mua lại (tái-chiết khấu) phần chênh lệch.

Ở thị trường này ngân hàng nhà nước ngoài việc thực hiện cân bằng cung cầu của thị trường, ngân hàng nhà nước còn có thể sử dụng lãi suất tái chiết khấu để ảnh hưởng đến lãi suất thị trường, hạn chế hoặc tăng cường tín dụng cho thị trường.

Một thị trường tiền tệ như trên sẽ và phải được thiết lập tại Việt Nam trong tương lai gần để từ đó ngân hàng nhà nước có cơ sở phát hành thêm tiền vào lưu thông hoặc rút bớt tiền ra khỏi lưu thông mà nó luôn luôn gắn liền với lưu thông hàng hóa, gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế.